

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **107/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-4-2025
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2662/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lưu Thị Kim X**, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số A, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà X vắng mặt, ông H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2024 và bản tự khai nguyên đơn bà Lưu Thị Kim X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H kết hôn năm 2020, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong việc nuôi con, quan điểm sống, mâu thuẫn bắt đầu từ khi hai vợ chồng có con. Mặc dù hai vợ chồng đã tự hàn gắn nhiều lần và gia đình hai bên cũng có

giúp đỡ hàn gắn nhưng ông H vẫn gây sự với bà và hai vợ chồng đã sống riêng gần như ly thân được khoảng hơn hai năm nay. Mỗi lần gặp nhau vợ chồng đều không kiềm chế được bản thân và luôn xảy ra cãi vã ông H đã có tác động vật lý đến bà, điều này đã vượt quá giới hạn chịu đựng của bà nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Lưu Gia H1, sinh ngày 25/9/2021, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tạm thời bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại các bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông không muốn ly hôn vì ông còn thương vợ, thương con nhưng vì ông quá thương con sợ con bị tổn thương, đau bệnh nên hay nói trách vợ, vợ ông nói ông đánh vợ nhưng ông không đánh, ông chỉ gọi vợ dậy để nói chuyện. Ông còn rất thương vợ con nhưng từ khi có con vợ ông ở bên nhà mẹ ruột ít khi về ở chung với ông nên ông rất buồn nhưng vợ ông không chịu về nên hai vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, ông còn rất thương vợ con nên ông không muốn ly hôn, muốn vợ con về sống với ông. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Lưu Gia H1, sinh ngày 25/9/2021. Ông đồng ý ly để bà X trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X về việc ly hôn với ông H. Giao cháu H1 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà X và ông H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Bà X và ông H trình bày không có. Về án phí: bà X phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lưu Thị Kim X có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Kim X và ông Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng

Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 235/2020 ngày 10/12/2020 nên căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà X, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà X trình bày quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng trong việc nuôi con, quan điểm sống, mâu thuẫn bắt đầu từ khi hai vợ chồng có con. Mặc dù hai vợ chồng đã tự hàn gắn nhiều lần và gia đình hai bên cũng có giúp đỡ hàn gắn nhưng ông H vẫn gây sự với bà và hai vợ chồng đã sống riêng gần như ly thân được khoảng hơn hai năm nay. Mỗi lần gặp nhau vợ chồng đều không kiềm chế được bản thân và luôn xảy ra cãi vã ông H đã có tác động vật lý đến bà, điều này đã vượt quá giới hạn chịu đựng của bà nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Còn theo ông H ông còn thương vợ, thương con nhưng vì ông quá thương con sợ con bị tổn thương, đau bệnh nên hay nói trách vợ, vợ ông nói ông đánh vợ nhưng ông không đánh, ông chỉ gọi vợ dậy để nói chuyện. Ông còn rất thương vợ con nhưng từ khi có con vợ ông ở bên nhà mẹ ruột ít khi về ở chung với ông nên ông rất buồn nhưng vợ ông không chịu về nên hai vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, ông còn rất thương vợ con nên ông không muốn ly hôn, muốn vợ con về sống với ông. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông cũng đồng ý ly hôn.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng bà X, ông H cũng có mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân hơn hai năm nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc bà X xin ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Kim X, bà Lưu Thị Kim X được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Bà X và ông H có 01 con chung là cháu Nguyễn Lưu Gia H1, sinh ngày 25/9/2021. Khi ly hôn bà Lưu Thị Kim X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Văn H cũng đồng ý với yêu cầu này của bà X và hiện nay cháu H1 cũng đang do bà X trực tiếp nuôi dưỡng do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu H1 nên giao cháu H1 cho bà Lưu Thị Kim X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho cháu H1. Tạm thời ông Nguyễn Văn H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà Lưu Thị Kim X và ông Nguyễn Văn H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Lưu Thị Kim X và ông Nguyễn Văn H2 trình bày không có.

[6] Về án phí: Bà X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9,

Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Kim X.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị Kim X được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lưu Gia H1, sinh ngày 25/9/2021 cho bà Lưu Thị Kim X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Văn H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của ông Nguyễn Văn H.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự trình bày không có.

Về án phí: Bà Lưu Thị Kim X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004623 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà Lưu Thị Kim X đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Văn H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lưu Thị Kim X vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến